

HỘI KHOA HỌC KINH TẾ
TỈNH SƠN LA

BÁO CÁO ĐỀ TÀI KHOA HỌC

DỰ BÁO NHỮNG BIẾN ĐỘNG VỀ THỊ TRƯỜNG - KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG THỦY ĐIỆN SƠN LA, QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP
NHỮNG GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU ĐÁP ỨNG.

Cơ quan quản lý đề tài:

SỞ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA

Cơ quan chủ trì đề tài:

HỘI KHOA HỌC KINH TẾ TỈNH SƠN LA

Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Như Hải

Sơn La, tháng 03 năm 2005

6202

1014106

**HỘI KHOA HỌC KINH TẾ
TỈNH SƠN LA**

**BÁO CÁO
ĐỀ TÀI KHOA HỌC**

Dự báo những biến động về thị trường kinh tế – văn hoá xã hội trong quá trình xây dựng thuỷ điện Sơn La, quá trình hội nhập, những giải pháp cơ chế chính sách chủ yếu đáp ứng

Cơ quan quản lý đề tài: Sở Khoa học - Công nghệ tỉnh Sơn La

Cơ quan chủ trì đề tài: Hội khoa học kinh tế tỉnh Sơn La

Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Như Hải

Cán bộ tham gia nghiên cứu:

Trần Minh Dũng – Hội Khoa học kinh tế

Lê Nguyên Bắc – Hội Khoa học kinh tế

Lê Minh Phong – Sở Kế hoạch & Đầu tư

Hoàng Thị Phượng – Sở Kế hoạch & Đầu tư

Phan Văn Đính – Cục Thống kê

Nguyễn Ngọc Trung – Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn

Phan Đức Ngữ - Sở Khoa học - Công nghệ

Lương Văn Yêu – Sở Khoa học – Công nghệ

Nguyễn Duy Nhượng – Ban công tác sông Đà

Nguyễn Văn Bình – Sở Thương mại – Du lịch

Các tổ chức tham gia thực hiện: Các chi hội khoa học kinh tế gồm: Thuận Châu, Mộc Châu, Thống kê, Kế hoạch, Tài chính, Tô Hiệu, Nông nghiệp; Các ngành Thương Mại – Du lịch, Văn hoá Thông tin, UBND Thị xã, UBND huyện Mường La, UBND huyện Quỳnh Nhai, Sở Công nghiệp, Sở Lao động – Thương binh – Xã hội

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	6
ĐẶT VẤN ĐỀ.....	8
1/ Chủ trương đầu tư xây dựng thủy điện Sơn La:.....	8
2/ Xây dựng thủy điện Sơn La - ý nghĩa chính trị:	9
3. Yêu cầu, mục tiêu nghiên cứu:	10
4. Cơ sở khoa học nghiên cứu dự báo	11
5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu	12
PHẦN THỨ NHẤT.....	14
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI SƠN LA.....	14
TRONG THỜI KỲ 1996 - 2003, PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN –	14
TÁC ĐỘNG CHỦ YẾU CÓ ẢNH HƯỞNG.....	14
I. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	14
II - Thu chi ngân sách địa phương.	14
- Thu ngân sách: T	14
- Chi ngân sách:	15
III. Thực trạng những ngành sản xuất chủ yếu.	15
1. Sản xuất Nông nghiệp:.....	15
Sản xuất Lâm nghiệp:	16
Về chăn nuôi	16
2. Sản xuất công nghiệp và xây dựng:	17
3. Kinh tế thương mại, dịch vụ:	19
IV. Thực trạng về các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ.....	20
- Các tổ chức kinh tế thuộc khu vực Nhà nước	20
- Các tổ chức doanh nghiệp dân doanh:.....	21
a/ Doanh nghiệp dân doanh:	21
b. Hộ kinh doanh cá thể:.....	21
c. Kinh tế trang trại:	22
d. Kinh tế tập thể (Hợp tác xã):	22
V. Thực trạng các lĩnh vực xã hội chủ yếu	22
- Về giáo dục:.....	23
- Về văn hoá:.....	23
- Đời sống:	23
NHỮNG NGUYÊN NHÂN VÀ TÁC ĐỘNG CHỦ YẾU ĐỐI VỚI SỰ	
PHÁT TRIỂN VÀ MẶT HẠN CHẾ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI.....	23
A. Những nguyên nhân tác động chủ yếu đối với sự phát triển	24
1. Đầu tư phát triển liên tục tăng lên không ngừng	24
2. Đã động viên được các thành phần kinh tế cùng bỏ vốn tham gia đầu tư phát triển kinh tế-xã hội, thể hiện sự phát huy nội lực.	24
3. Nhiều công trình quan trọng chủ yếu kết cấu hạ tầng cơ sở không ngừng tăng lên.....	24

4. Những tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi vào sản xuất....	25
5. Các hình thức tổ chức sản xuất được điều chỉnh	26
6. Trình độ dân trí, kỹ năng lao động, ý thức tiếp cận Thị trường, năng lực tổ chức sản xuất quản lý kinh doanh không ngừng được bổ xung, nâng cao đang vươn tới sự hoà nhập với kinh tế xã hội của cả nước.	26
7. Hệ thống thị trường ngày càng được mở rộng về không gian, nâng cao chất lượng kích cầu đối với sản xuất.....	27
8. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc không ngừng được cải thiện, nhờ đó mà tạo ra được động lực mới, phát triển đi lên.	27
9. Hệ thống chính trị được xây dựng, củng cố, tạo ra sự ổn định; khối đoàn kết các dân tộc được giữ vững.....	27
10. Vai trò lãnh đạo của Đảng và hệ thống chính trị thể hiện là lực lượng hạt nhân, nòng cốt trong việc tổ chức, lãnh đạo, tập hợp quần chúng vững bước đi theo con đường và mục tiêu mà Đảng bộ đã đề ra.....	27
B. Những mặt hạn chế	28
1. Những mặt hạn chế và còn tồn tại (tính đến năm 2003).....	28
2. Nguyên nhân của các mặt yếu và hạn chế.....	29
PHẦN THỨ HAI.....	31
DỰ BÁO NHỮNG BIẾN ĐỘNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI NHÂN VĂN	31
TRONG MỌI LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG DÂN CƯ KHI.....	31
XÂY DỰNG THUỶ ĐIỆN SƠN LA VÀ QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP	31
I. Vấn đề di dân - Tái định cư, một “Công trình” được đặt ngang tầm công trình xây dựng nhà máy thủy điện.....	31
II. Công nghiệp Nông nghiệp trước thời cơ, thách thức và yêu cầu hội nhập:.....	34
III. Những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường hàng hoá tiêu dùng, phục vụ đời sống dân cư và lực lượng lao động trên công trường xây dựng thủy điện	40
IV. Giao thông vận tải phát triển - Nhiều con đường được nâng cấp, mở mới, tác động tích cực đến dân sinh kinh tế:.....	42
V. Biến động về dân số và cơ cấu lao động:	43
VI. Tăng lên về nhu cầu xây dựng nhà ở, trường học, cơ sở y tế, nơi vui chơi giải trí, du lịch, là một quy luật tất yếu của quá trình phát triển sản xuất và tăng trưởng không ngừng đời sống xã hội.....	46
VII. Những biến động về văn hoá - giáo dục - xã hội - nhân văn:	49
1- Về dân tộc và phân bố các dân tộc:	49
2. Giáo dục và đào tạo trước yêu cầu hội nhập và sự nghiệp chăm sóc sức khỏe dân cư:	50
3. Phát triển dịch vụ du lịch - vui chơi - giải trí:.....	52
4. Xây dựng một môi trường văn hóa - tư tưởng lành mạnh.....	53
VIII. VỀ TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH - TÍN DỤNG.....	54
Tỷ lệ %	55
Tỷ lệ %	55

PHẦN THỨ BA	59
NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CHỚP VẬN HỘI LỚN	59
THUYẾT ĐIỆN SƠN LA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÚC TIẾN HỘI NHẬP	59
I. ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUY HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH	59
1. Đổi mới nhận thức về khai thác tài nguyên của tỉnh.	60
2. Quy mô của sản phẩm và giá trị sản phẩm hàng hóa chủ lực.....	60
3. Quy hoạch và kế hoạch phải thể hiện định hướng hình thành các mô hình kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm.....	60
4. Phát triển ngành nghề và dịch vụ ở địa bàn nông thôn:.....	60
5. Tiến hành quy hoạch và kế hoạch phát triển hệ thống đô thị:	60
6. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta coi đất đai là một nguồn vốn đầu tư phát triển và chủ trương hình thành thị trường bất động sản.	61
II - XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH KINH TẾ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH PHÙ HỢP YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HOÁ -HIỆN ĐẠI HOÁ VÀ PHÙ HỢP VỚI KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	61
1. Nông nghiệp, lâm nghiệp chỉ có thể đi lên sản xuất hàng hoá lớn nếu gắn với công nghiệp chế biến tiên tiến và hiện đại.....	61
2. Xã là đơn vị cơ sở của công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn,	63
3. Phát triển mô hình Kinh tế trang trại:	63
4. Công trình thuỷ điện lớn nhất quốc gia xây dựng trên địa bàn tỉnh ta	65
5. Xây dựng mô hình kinh doanh thương mại, dịch vụ tín dụng.	66
6 - Khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân.	66
III- KHƠI THÁC CAO ĐỘ NGUỒN NỘI LỰC, THU HÚT MẠNH NGUỒN NGOẠI LỰC, SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ MỌI NGUỒN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN.	67
1- Nguồn nội lực lớn nhất của tỉnh ta hiện nay là tài nguyên.....	67
2 - Là một tỉnh miền núi chậm phát triển và nghèo, việc tìm kiếm và thu hút nguồn ngoại lực.....	68
3- Vốn đầu tư phát triển của Trung ương trên địa bàn tỉnh ta hết sức lớn qua các chương trình, dự án quốc gia.....	69
4- Cần nhận thức nguồn lực không chỉ là những yếu tố vật chất, mà tư tưởng cũng là một nguồn lực, một động lực bên trong của sự phát triển.....	70
IV/ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ - XÃ HỘI.	71
V/ Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại.	71
1 - Phân đấu đến năm 2020:	72
2 - Tạo lập và phát triển thị trường khoa học - công nghệ phù hợp với đặc điểm và chiến lược phát triển của tỉnh ta.	72
VI - Chủ động xúc tiến các giải pháp cùng cả nước tham gia hội nhập kinh tế quốc tế	74
1 - Trên cơ sở phân tích đúng vị thế, đúng tiềm lực kinh tế	74
2 - Mỗi doanh nghiệp sẽ đứng trước hai tình thế:.....	74

VII - Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa và kinh tế thị trường	75
VIII - Lộ trình thực hiện chiến lược phát triển	76
Năm 2005	77
Thời kỳ 2006 - 2020	78
IX. Nâng cao năng lực lãnh đạo và chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của các cấp ủy Đảng và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ	79
x - những quan điểm chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2020 trong điều kiện xây dựng thủy điện sơn la và quá trình hội nhập kinh tế của đất nước với khu vực và quốc tế	81
NHỮNG KIẾN NGHỊ	83
PHỤ LỤC	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	87

LỜI NÓI ĐẦU

Quốc hội nước ta đã có nghị quyết về xây dựng Thủy Điện Sơn La, cuối năm 2005 sẽ chính thức khởi công công trình Thủy điện lớn nhất nước trên Sông Đà thuộc địa phận Tỉnh Sơn La.

Thủy điện Sơn La có nhiều ý nghĩa to lớn, không đơn thuần là một nhà máy Thủy điện có công suất lớn nhất nước mà đây là một công trình đa mục tiêu, có hiệu ích tổng hợp, có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc phát triển Kinh tế - Xã hội cả nước và của vùng Tây Bắc - trong đó có Sơn La.

Thủy điện Sơn La phải đáp ứng được 5 yêu cầu của Quốc hội:

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình, cho hạ du và cho thủ đô Hà Nội
- Đạt hiệu quả kinh tế tổng hợp.
- Đảm bảo an ninh quốc phòng vùng Tây Bắc.
- Giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường sinh thái, đa dạng sinh học.
- Có biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản Văn hóa của các dân tộc.

Xây dựng thủy điện Sơn La phải di chuyển hàng chục ngàn hộ nhân dân, bố trí trên hàng trăm điểm tái định cư trong 9 huyện và thị xã. Nhà nước đầu tư gần bốn chục ngàn tỷ đồng, điều chuyển hàng vạn lao động và một khối lượng to lớn vật tư, thiết bị để xây dựng thủy điện trong thời gian dài hàng chục năm..v..v

Những yếu tố trên đây phát triển đan xen nên sẽ tác động lớn và nhiều mặt đến quá trình phát triển và hội nhập của tỉnh Sơn La.

Xây dựng thủy điện Sơn La là cơ hội lớn và thách thức lớn đòi hỏi Đảng bộ chính quyền và nhân dân các dân tộc Sơn La thống nhất nhận thức, chớp thời cơ, tranh thủ khai thác các yếu tố thuận lợi, khắc phục giảm thiểu mọi khó khăn, bất thuận để đưa kinh tế xã hội Sơn La phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Thực hiện đề tài: “ **Dự báo những biến động về thị trường kinh tế - văn hóa - xã hội trong quá trình xây dựng thủy điện Sơn La, quá trình hội nhập những giải pháp - cơ chế chính sách chủ yếu đáp ứng**” với mong muốn huy động năng lực nghiên cứu, dự báo của nhiều ngành nghề kinh tế và các tổ chức sản xuất, kinh doanh nhằm đánh giá đúng tình hình diễn biến kinh tế - thị trường của tỉnh khi có công trình thủy điện.

Đề tài được bố trí thành 27 chuyên đề do các tổ chức của Hội, một số Ban - Ngành - Huyện - Thị xã và cá nhân song song độc lập nghiên cứu gồm:

- Chi hội Khoa học Kinh tế, ngành Tài chính
- Chi hội Khoa học Kinh tế, ngành Kế hoạch
- Chi hội Khoa học Kinh tế, Ngành Thống kê
- Chi hội Khoa học Kinh tế, Ngành Nông Nghiệp
- Chi hội Khoa học Kinh tế, Huyện Mộc Châu.
- Chi hội Khoa học Kinh tế, Huyện Thuận Châu.
- Ủy Ban Nhân dân Huyện Quỳnh Nhai
- Ủy Ban Nhân dân Huyện Mường La

- Ủy Ban Nhân dân thị xã Sơn La
- Trung tâm thông tin và xúc tiến Thương mại - Sở thương mại và Du lịch.
- Bản quản lý dự án di dân - tái định cư tỉnh Sơn La
- Sở Công nghiệp
- Sở Lao động - Thương binh xã hội
- Sở Văn hóa - Thông tin
- Phòng kế hoạch Văn Xã - Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Các ông Trần Minh Dũng - Lê Nguyên Bắc - Lương Văn Yệu - Nguyễn Như Hải – Trần Dũng Tiến – Lê Hải Trà.

Đề tài gồm ba phần chính và phần phụ lục số liệu.

Phần thứ nhất: Chủ biên: *Trần Minh Dũng*

“Đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội Sơn La thời kỳ 1996 - 2003, phân tích, nguyên nhân, tác động chủ yếu có ảnh hưởng.”

Phần thứ hai: Chủ biên: *Nguyễn Như Hải*

“Dự báo những biến động về Kinh tế - Xã hội - Nhân văn, trong mọi lĩnh vực sản xuất và đời sống dân cư khi xây dựng Thủy điện Sơn La và quá trình hội nhập”

Phần thứ ba: Chủ biên: *Lê Nguyên Bắc*

“ Những giải pháp - Cơ chế - Chính sách trước thời cơ lớn xây dựng thủy điện Sơn La nhằm phát triển kinh tế thị trường và xúc tiến hội nhập.”

* * *

*

Hội khoa học kinh tế chân thành cảm ơn vì sự cộng tác nhiệt tình và có hiệu quả trong quá trình nghiên cứu, xây dựng, tổng hợp đề tài.

**HỘI KHOA HỌC KINH TẾ
TỈNH SƠN LA**

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau nhiều năm nghiên cứu, thảo luận, hội thảo khoa học, cuối cùng đề án xây dựng thủy điện Sơn La phương án thấp đã được Quốc hội thông qua và ngày 15 tháng 1 năm 2004. Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 92/QĐ-TTg phê duyệt công trình thủy điện Sơn La với 6 đến 8 tổ máy, khởi công vào cuối năm 2005.

1/ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỦY ĐIỆN SƠN LA:

Để góp phần chống lũ cho đồng bằng, người ta đã tính đến những giải pháp như nạo vét, khơi thông mở rộng lòng sông,... ở vào thời điểm năm 1994 đã phải di dời 20 vạn dân với 2,7 vạn ha đất. Nếu đắp đê cho cao hơn nữa cũng khó thực hiện vì hệ thống đê điều đã đắp từ lâu đời, qua nhiều giai đoạn, có chỗ nền móng yếu. Giải pháp phân lũ vào sông Đáy sẽ ảnh hưởng đến 67,5 vạn dân của 3 tỉnh Hà Tây, Hà Nam, Nam Định; Làm ngập 41.235 ha đất nông nghiệp... Vì vậy, thủy điện Sơn La với hồ chứa dung tích trên 9 tỷ m³ nước, dung tích phòng lũ 4 tỷ m³ nước là hữu hiệu nhất, chống được lũ lớn hơn trận lũ năm 1971, còn đảm bảo cung cấp nước cho đồng bằng Bắc Bộ mùa kiệt, tạo điều kiện phát triển ngành giao thông thủy và ngành thủy sản ở vùng hồ.

Kể từ năm 1984 ngày đặt mũi khoan đầu tiên thăm dò đến nay là đã qua 20 năm chuẩn bị. Đây là một công trình lớn, có vị trí rất quan trọng trong quy hoạch trị thủy sông Đà, bảo vệ và phát triển đồng bằng sông Hồng, phát triển kinh tế – Xã hội vùng Tây Bắc gắn với nhiệm vụ quốc phòng.

Là một công trình xây dựng cơ bản lớn, chi phí tới mấy chục nghìn tỷ đồng, kéo dài trên dưới 10 năm ở một vùng miền núi nhiều dân tộc, xa các trung tâm văn hoá - Chính trị, thiếu đường giao thông.

Là một công trình di dân quy mô lớn, ban đầu với 12.500 hộ, 70.000 dân chưa kể trong quá trình hàng chục năm xây dựng, số hộ và nhân khẩu tất yếu phát sinh thêm. Công trình ở phương án thấp nhưng cũng làm ngập 17 xã của 3 huyện (Quỳnh Nhai ngập 10/12 xã và phải xây dựng một thị trấn huyện lỵ mới, huyện Mường La ngập 5/16 xã, huyện Thuận Châu 2/29 xã), những xã bị ngập đều có cánh đồng lúa trù phú, như Quỳnh Nhai hai xã bị ngập thường được coi là "Đồng bằng Cửu Long " của Thuận Châu trước đây.

Do quy mô di dân lớn nên Nhà nước coi đây cũng là một công trình lớn tương xứng được quan tâm đầu tư, chỉ đạo, như đối với công trình nhà máy thủy điện. Công suất của thủy điện 2.400 MW với 16,2 tỷ Kwh bằng 1/3 năng lực thủy điện cả nước là rất quan trọng, song không thể đặt cao hơn yêu cầu di dân – Tái định cư trên cơ sở quy hoạch sắp xếp, tổ chức lại đời sống – Sản xuất của cả vùng Tây Bắc, trong đó có Sơn La. Riêng đầu tư vào di dân – Tái định cư đã trên 11.600 tỷ đồng (trong đó Sơn La trên 7.000 tỷ), bình quân mỗi năm khoảng 1.000 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, các vùng sâu, vùng xa, tổ chức lại đời sống dân cư theo quy hoạch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành các vùng sản xuất tập trung, các vùng nguyên liệu nông lâm sản cho công nghiệp, xây dựng đời sống văn hoá xã hội văn minh, tiến bộ.

Để xây dựng công trình thủy điện, trước hết cần xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, trong đó quan trọng nhất là trục đường 6 xuyên suốt vùng Tây Bắc, đoạn Hoà Bình – Sơn La 250 km, đoạn Sơn La – Tuần giáo khởi công nâng cấp 2005. Có thể kể từ năm 1932 người Pháp mở con đường suối Rút – Hoà Bình đến năm 1941 (sau 9 năm) mới xong 190 km đường cấp 5 miền núi. Tới những năm 60 – Kể cả đường 13 – Tỉnh Sơn La mới có 13m đường Quốc lộ/1 km² đất tự nhiên. Gấp rút xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc triển khai công trường như nâng cấp đường Sơn La – Mường La, làm 2 cầu vượt sông Đà, mở tuyến Tà Hộc – Nà Bó, xây dựng đường dây tải điện 110 KV Thị xã - Mường La, 220 KV Việt Trì - Mường La. Xây dựng khoảng 20.000 m² nhà ở và làm việc cho gần 5.000 cán bộ, công nhân công trường (lúc cao điểm là 15.000 người).

Từ năm 2003 hàng trăm hộ dân xã Ít Ong vùng chân công trình đã phải di rời về khu Tân Lập – Mộc Châu để giải phóng 2.070 ha mặt bằng, đồng thời cũng là điểm tái định cư mẫu để định được phương hướng sản xuất cũng như chính sách đền bù phù hợp. Hiện nay > 3.000 công nhân đang xây dựng để đến 2005 lấp sông đọt 1.

Có thể nói, một khối lượng rất lớn công việc đã và đang gấp rút chuẩn bị cho ngày chính thức khởi công, thị trường Sơn La sẽ sôi động, khẩn trương hơn so với thường nhật, nếu không chủ động sẽ rơi vào tình trạng quá tải, gây những biến động bất lợi.

2/ XÂY DỰNG THỦY ĐIỆN SƠN LA - Ý NGHĨA CHÍNH TRỊ:

Đường lối và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, đã nêu tại Đại hội Đảng lần thứ 9 "... Chủ trương phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn, đồng thời tao điều kiện để phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng. Quan tâm phát triển kinh tế – xã hội gắn với củng cố quốc phòng – An ninh ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, chú trọng các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam".

Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế – xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010 "Đẩy nhịp độ phát triển kinh tế – xã hội vùng trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn nhịp độ phát triển chung cả nước, cải thiện rõ rệt hệ thống hạ tầng Kinh tế - Xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng, khai thác mạnh các nguồn tài nguyên, thế mạnh về đất đai, khí hậu, khoáng sản, thủy điện, lợi thế về cửa khẩu để phát triển các ngành kinh tế, hoàn thành định canh, định cư,... bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; Gắn phát triển kinh tế – xã hội với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng – An ninh, ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền Quốc gia".

So với vùng Đông Bắc thì Tây Bắc từ xưa vẫn là vùng chậm phát triển và chậm khai thác. Như một trục xương sống xuyên suốt vùng Tây Bắc chỉ có Quốc lộ 6 nhỏ hẹp và mới được nâng cấp, cải tạo 70 km trong thời kỳ xây dựng thủy